

Số: 157/2020/QĐST- HNGĐ.

Đ, ngày 30 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1, 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 227/2020/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Vũ Thị H.

Địa chỉ: Tổ 6, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

2. Anh Đỗ Văn T.

Địa chỉ: Tổ 6, khu Vĩnh H, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22/6/2020;

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Vũ Thị H và anh Đỗ Văn T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả hai cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

**[2] Về con chung:** Chị Vũ Thị H và anh Đỗ Văn T có 02 con chung là Đỗ Văn C, sinh ngày 28/9/1998 ( đã trưởng thành) và Đỗ Văn A, sinh ngày 06/6/2010, vợ chồng thỏa thuận: Chị H có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Văn A, sinh ngày 06/6/2010 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng cho con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**[3] Về tài sản chung và nợ chung:** Chị H và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[4] Về lệ phí:** Chị Vũ Thị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí việc dân sự sơ thẩm "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con" theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Đỗ Văn T.

- **Về con chung:** Chị Vũ Thị H có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Văn A, sinh ngày 06/6/2010 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đỗ Văn T không phải cấp dưỡng cho con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị Vũ Thị H và anh Đỗ Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Chị Vũ Thị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí việc dân sự sơ thẩm “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con” là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001987 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ. Chị Vũ Thị H đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện KSND thị xã Đ;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND phường M)
- Lưu HS, VP.

**THẨM PHÁN**

**( đã ký)**

**Tô Thị Thịnh**